

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC LỚP MẪU GIÁO BÉ
NĂM HỌC 2024- 2025**

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong CĐ	Điều chỉnh
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
a. Phát triển vận động				
1	Trẻ có thể thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào thở ra - Tay: + Đưa 2 tay lên cao ra phía trước, sang ngang + Co và duỗi tay + Bắt chéo 2 tay trước ngực. + Hai cánh tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao + Từng tay đưa lên cao, hai tay dang ngang - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước + Quay người sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải. + Cúi về phía trước, ngả người ra sau - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân + Đứng khuyu + Đứng nâng cao chân, gập gối + Bật tách - chụm chân tại chỗ 	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	
2	Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m) - Đi kiễng gót liên tục 3m	<ul style="list-style-type: none"> - Đi trong đường hẹp (3m x 0,2m) - Đi kiễng gót liên tục 3m - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát 	3, 4, 8	

	- Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát			
3	Trẻ có thể kiểm soát được vận động - Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài	- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc.	1, 2 5, 6, 9	
4	Trẻ biết phối hợp tay-mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18 cm).	- Tung bắt bóng với cô - Lăn bóng với cô - Đập và bắt bóng	1, 4, 9	
5	Trẻ thể hiện được nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang xa 1.5m - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.	- Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng - Ném trúng đích bằng 1 tay - Tung, ném, bắt: + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc + Ném trúng đích ngang xa 1,5m - Bật, nhảy: + Bật tại chỗ + Bật về phía trước + Bật xa 20-25 cm - Bò, trèo, trườn: + Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) + Bò, trườn theo hướng thẳng + Bò chui qua cổng + Bò theo đường đích dắc + Trườn về phía trước + Trườn chui dưới cổng + Bước lên xuống bục cao (cao 30cm)	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	

6	Trẻ biết thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau.	- Xoay tròn cổ tay - Gập, đan ngón tay vào nhau - Đan, tết	1 2	
7	Trẻ biết phối hợp cử động bàn tay, ngón tay và 1 số kỹ năng trong một số hoạt động: -Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. - Xếp chồng được 8 - 10 khối không đồ. - TỰ cài, cởi cúc. - Xâu luôn	- Sử dụng bút: Vẽ được hình tròn theo mẫu - Tô vẽ nguệch ngoạc - Sử dụng kéo, bút - Xé dán giấy - Xếp chồng được các hình khối khác nhau - Cài, cởi cúc. - Xâu luôn dây giấy	1, 2, 3, 5, 7, 8, 9	
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe				
8	Trẻ có thể nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc, - Nhận biết một số món ăn truyền thống của dân tộc	1, 2 4 6,7	
9	Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau..	(rau củ quả gần gũi với địa phương), một số món ăn quen thuộc của dân tộc Thái		
10	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau;	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất. (không kén chọn thức ăn) - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) <i>-Nhu cầu của bản thân và sử dụng thực phẩm vừa đủ, tránh lãng phí</i> <i>- Tiết kiệm, ăn hết suất</i>		
11	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo	- Làm quen với cách đánh răng, lau mặt - Tập rửa tay bằng xà phòng - Tập luyện một số thói quen tốt và giữ gìn sức khỏe.	1, 2 5, 6	

	...	- <i>Tiết kiệm nước</i>		
12	Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	3	
13	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	- Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với khỏe con người.	3, 5, 6, 9	
14	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	Nhận biết trang phục theo thời tiết, món ăn không đảm bảo vệ sinh. (Nhận biết theo thời tiết của địa phương, mặc trang phục của dân tộc kinh, thái, phù hợp với thời tiết) - Nhận biết 1 số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. - <i>Bảo vệ sức khỏe, an toàn khi có thời tiết thay đổi hay hiện tượng thời tiết bất thường.</i>	1, 2, 4, 8	
15	Trẻ nhận ra và biết tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ...) khi được nhắc nhở. <i>Trẻ nhận biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy.</i>	- Phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. (Kỹ năng ứng phó phù hợp với trước, trong và sau thiên tai có ở địa phương - Không đi theo người lạ, không nhận quà của người lạ khi chưa được người lớn cho phép	1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9	
16	Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp		

17	<p>Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không cưỡi đuà trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. 	<i>khi nghe các tín hiệu báo động cháy.</i>		
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức				
a) Khám phá khoa học				
18	Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng theo chủ đề: <i>Phù hợp với bối cảnh của địa phương</i>	7, 8	
19	Trẻ có khả năng sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng;	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc - <i>Mối quan hệ của thực vật, với BDKH và thiên tai.</i> + <i>Ảnh hưởng của thiên tai đối với thực vật</i> - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi. 	2, 5, 6	
20	Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. VD: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi....	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	
21	Trẻ có khả năng thu	- Một số nguồn nước trong	8	

	thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	sinh hoạt hàng ngày.		
22	Trẻ có khả năng phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng đồ chơi của lớp.	1, 3	
23	Trẻ có thể nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. - <i>Sự ô nhiễm nguồn nước</i> - <i>Cách bảo vệ nguồn nước</i> - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - <i>Tên gọi, dấu hiệu rõ nét các loại thiên tai thường xảy ra ở địa phương, hậu quả và cách ứng xử khi có thiên tai.</i> - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.	5, 6, 8	
24	Trẻ có thể mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	7	
25	Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình	- Thể hiện một số điều quan sát được thông qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	
B. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán				
26	Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng,	- Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử	1, 4	

	đếm vệt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	dùng ngón tay để biểu thị số lượng. - 1 và nhiều		
27	- Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng	4, 5, 7, 8	
28	- Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.	3	
29	- Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm	4, 6, 7, 9	
30	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	4, 6, 7, 9	
31	Sắp xếp theo quy tắc: Trẻ biết nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp xen kẽ	7	
32	Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước.	5, 6	
33	Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để lắp ghép.	3, 4, 7	
34	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	2	

C. Khám phá xã hội				
35	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân	2	
36	Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình	3	
37	Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- <i>Hoạt động sinh hoạt của gia đình, phòng, chống thiên tai của gia đình.</i>		
38	Trẻ nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên trường, lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường	1	
39	Trẻ biết kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương như: nghề dệt thổ cẩm, đan mây tre, đặc sản địa phương: gạo tám thơm, sésng cù, nhà sàn....	4	
40	Trẻ biết kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương: (lễ hội của dân tộc Thái, lễ hội hoa ban, ngày 7/5, Di tích Lịch sử: Đồi A1, Hầm Đờ Cát, Bảo Tàng, tượng Đài Chiến Thắng....	1, 3, 4, 6, 7, 9	
41	Trẻ biết kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương. (cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn, trò chơi dân gian, bài hát dân ca, nhà ở...) của quê hương Điện Biên.	- <i>Yêu quý, bảo vệ danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử</i>		
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				

42	Trẻ hiểu được lời nói và thực hiện được yêu cầu đơn giản. VD: (Cháu hãy lấy quả hồng ném vào rổ).	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản - Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	1, 6, 7	
43	Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả... (đồ dùng vật dụng gần gũi trong gia đình, ở địa phương...)	(đồ dùng vật dụng gần gũi trong gia đình, ở địa phương). - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.	5, 8	
44	Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- <i>Vâng lời người lớn, không đi chơi xa</i>	3, 4	
45	Trẻ nói rõ các tiếng. Trẻ dân tộc sử dụng ngôn ngữ bằng tiếng Việt - Trẻ người dân tộc thiểu số sử dụng được tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày.	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt. - Trẻ dân tộc phát âm rõ bằng tiếng Việt.	1,2,3,4,5,6, 7,8,9	
46	Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ) chấp hành đúng quy định giao thông	1,5,7	
47	Trẻ biết sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.	8	
48	Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..	- Kể lại sự việc.	3,9	
49	Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. (gần gũi và của địa phương) - Nghe các bài hát, bài	1,2,3,4,5,6, 7,8,9	

		thơ, ca dao, đồng dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.		
50	Trẻ có thể kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn. Trẻ dân tộc có thể kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của câu chuyện đã được nghe. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - <i>Đoàn kết, giúp đỡ bạn</i> - Trẻ dân tộc kể lại một vài tình tiết của câu chuyện đã được nghe.	1,2,3,4,5,6,7,8,9	
51	Trẻ có thể bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.	7	
52	Trẻ biết sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp.	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào?	4	
53	Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	2	
54	Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - <i>Giữ gìn tranh ảnh, sách vở</i>	2, 5, 6, 8, 9	
55	Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Giữ gìn sách	3,4	
56	Trẻ thích vẽ, viết nguệch ngoạc.	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.	7, 8, 9	

4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

57	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân	2	
58	Trẻ nói được điều bé thích, không thích	- Những điều bé thích, không thích.	2	
59	Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ giọng nói; trò chơi; hát, vận động.	2,8	
60	Trẻ biết cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).	Một số quy định của lớp (đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ) - <i>Biết giữ gìn đồ dùng đồ chơi của lớp</i>	1,7	
61	Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui buồn sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ giọng nói.	7	
62	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận		2	
63	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội, của quê hương, đất nước: Đồi A1, Hàm Đờ Cát, Bảo tàng, tượng Đài Chiến Thắng; Lễ hội Hoa ban, Lễ Hội Đền Hoàng Công Chất..	9	
64	Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.			
65	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định của gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ) - <i>Biết giữ gìn đồ dùng đồ chơi, đồ dùng trong gia đình</i>	3	
66	Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Cử chỉ lễ phép (chào hỏi, cảm ơn) - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột.	1,3	
67	Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Nhận biết hành vi đúng - sai, tốt - xấu. - Tiết kiệm điện, nước	8	
68	Trẻ cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ	- Chơi hoà thuận với bạn - Chờ đến lượt. - <i>Đoàn kết, giúp đỡ bạn</i>	2,4,7	

69	Trẻ quan tâm đến môi trường: Trẻ biết quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối., - Giữ gìn vệ sinh môi trường.	5,6	
70	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định		4,6,8	
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ				
71	Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	9	
72	Trẻ biết chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc, thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc dân tộc của địa phương dân tộc thái...)	1,2,3,4,5,6,7,8,9	
73	Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Vui sướng, chỉ, sờ ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (màu sắc, hình dáng) của các tác phẩm tạo hình	1,2,3,4,5,6,7,8,9	
74	Trẻ có một số kỹ năng hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	1,2,3,4,5,6,7,8,9	
75	Trẻ có một số kỹ vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp	1,2,3,4,5,6,7,8,9	
76	Trẻ có một số kỹ năng sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.	7,9	
	Trẻ có một số kỹ năng	- Sử dụng một số kỹ năng	1,2,3,4,5,6,	

77	vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản.	7,8,9	
78	Trẻ có một số kỹ năng xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản. <i>- Trẻ tiết kiệm giấy và giữ gìn sản phẩm làm ra</i>	2,3,4,6,7,9	
79	Trẻ có một số kỹ năng lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Sử dụng một số kỹ năng nặn tạo ra sản phẩm đơn giản.	1,3,4,6	
80	Trẻ có một số kỹ năng xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.	4,5,6	
81	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình	1,2,3,5,6,7,8,9	
82	Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	8,9	
83	Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích	4,7,9	
84	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	3,9	

Người xây dựng

Xác nhận của BGH

